

Bản án số: 70/2026/KDTM - ST
Ngày: 28 – 7 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vương Thị Hồng Thanh.

- Ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 56/2026/TLST-KDTM ngày 07/4/2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2026/QĐST - KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T; Địa chỉ: 1 khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Viết N, sinh năm 1972, chức danh: Giám đốc, có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T1; Địa chỉ: Số A đường B, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1991 – chức danh: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2026, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/02/2025, Công ty TNHH T (Sau đây gọi tắt là “Công ty T”) và Công ty TNHH T1 (Sau đây gọi tắt là “Công ty T1”) ký kết Hợp đồng vận

chuyển số 202503-GH-GHK về việc Công ty T nhận vận chuyển hàng hóa bằng container từ cảng về kho Win wood khách hàng của Công ty T1 và ngược lại.

Quá trình thực hiện hợp đồng, khi cần thuê vận chuyển hàng từ nơi này đến nơi khác thì Công ty T đã thực hiện việc vận chuyển hàng hóa theo yêu cầu của Công ty T1. Đến cuối tháng thì Công ty T sẽ gửi Hóa đơn giá trị gia tăng và bảng kê phí vận chuyển nâng hạ cho Công ty T1 để đối chiếu và thanh toán.

Theo thỏa thuận tại Điều III Hợp đồng vận chuyển ngày 11/02/2025 quy định về việc thanh toán cụ thể như sau: *“Bên A (Công ty T1) thanh toán cho bên B (Công ty T) trong vòng 30 ngày kể từ ngày 01 hàng tháng bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt”*. Tuy nhiên, từ tháng 12/2025 đến nay, Công ty T1 vẫn chưa thanh toán đầy đủ tiền cho Công ty T chúng tôi theo Hợp đồng vận chuyển ngày 11/02/2025. Với tổng số tiền phải thanh toán là 531.416.000 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng), cụ thể:

+ Tháng 10: 277.340.000 đồng;

+ Tháng 11: 192.258.000 đồng;

+ Tháng 12: 61.818.000 đồng;

Như vậy, tổng số công nợ mà Công ty T1 còn phải thanh toán cho Công ty T là 531.416.000 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

Công ty T đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền trên nhưng Công ty T1 luôn trì hoãn, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 10/03/2026, Công ty T đã tiếp tục gửi Đơn đề nghị thanh toán đến Công ty T1. Theo đó, Công ty T1 phải thanh toán đầy đủ số tiền 531.416.000 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng). Theo đúng nội dung Hợp đồng vận chuyển số 202503-GH-GHK chậm nhất vào ngày 20/03/2026. Tuy nhiên, đến nay, Công ty T vẫn chưa nhận được số tiền 531.416.000 đồng từ phía Công ty T1.

Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhắc bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn không thực hiện, không có thiện chí thanh toán nợ còn lại cho nguyên đơn, mặt khác quá trình tố tụng bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cũng không đến tòa án làm việc.

Việc bị đơn không thanh toán số tiền còn lại như trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên tại các đơn khởi kiện nguyên đơn yêu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH T1 phải thanh toán số tiền 531.416.000 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng) còn nợ Công ty TNHH T.

Nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm:

- Hợp đồng vận chuyển số 202503-GH-GHK ngày 11/02/2025 (bản sao

chứng thực);

- Đơn đề nghị thanh toán số 260107/CV ngày 31/01/2026 của Công ty TNHH T về việc đề nghị thanh toán công nợ (bản chính); Hóa đơn giá trị gia tăng số 77, ký hiệu 1C25THK ngày 15/10/2025; Hóa đơn giá trị gia tăng số 79, ký hiệu 1C25THK ngày 30/10/2025 (bản pho to); bảng kê phí vận chuyển nâng hạ tháng 10 năm 2025 (bản chính);

- Đơn đề nghị thanh toán số 260108/CV ngày 10/3/2026 của Công ty TNHH T về việc đề nghị thanh toán công nợ (bản chính) + Hóa đơn giá trị gia tăng số 85, ký hiệu 1C25THK ngày 26/11/2025 (bản pho to); bảng kê phí vận chuyển nâng hạ tháng 11 năm 2025 (bản chính);

- Đơn đề nghị thanh toán số 260109/CV ngày 10/3/2026 của Công ty TNHH T về việc đề nghị thanh toán công nợ (bản chính); Hóa đơn giá trị gia tăng số 91, ký hiệu 1C25THK ngày 27/12/2025 (bản pho to); bảng kê phí vận chuyển nâng hạ tháng 12 năm 2025 (bản chính);

- Vi bằng số 562/2026/VB-TPLDA ngày 22/6/2026 của Văn phòng T2 trích xuất một số nội dung trao đổi về công nợ giữa nguyên đơn và bị đơn.

- Bản tự khai và lời khai đã trình bày trong quá trình tố tụng

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng; triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp luật của bị đơn tham gia tố tụng nhưng bị đơn không chấp hành và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là không chấp hành pháp luật tố tụng, tự từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, không có yêu cầu khắc phục vi phạm nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ do nguyên đơn đã thực hiện việc vận chuyển hàng hóa cho bị đơn theo Hợp đồng vận chuyển số 202503-GH-GHK ngày 11/02/2025 nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là *“Tranh chấp về hợp đồng vận chuyển hàng hóa”* theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Số A đường B, khu phố B (nay là khu phố B), phường A, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền **531.416.000 đồng** thấy rằng:

Hợp đồng vận chuyển số 202503-GH-GHK ngày 11/02/2025 được ký kết giữa Công ty TNHH T (Bên B) và Công ty TNHH T1 (Bên A) có thỏa thuận *“Bên B nhận vận chuyển hàng hóa bằng container từ cảng về kho của công ty B và ngược lại”* và các điều khoản khác về giá cả và hình thức thanh toán, trách nhiệm của mỗi bên, phạt và bồi thường, những điều khoản khác, hiệu lực của hợp đồng. Hợp đồng do người đại diện theo pháp luật của hai bên ký tên và đóng dấu, các bên tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hình thức, nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại Điều 116, 117, 118, 119, 530, 531 của Bộ luật Dân sự 2015 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết và thỏa thuận.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bên vận chuyển hàng hóa theo quy định, thực hiện việc vận chuyển hàng hóa theo yêu cầu của bị đơn, đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 77, ký hiệu 1C25THK ngày 15/10/2025; Hóa đơn giá trị gia tăng số 79, ký hiệu 1C25THK ngày 30/10/2025; Hóa đơn giá trị gia tăng số 85, ký hiệu 1C25THK ngày 26/11/2025; Hóa đơn giá trị gia tăng số 91, ký hiệu 1C25THK ngày 27/12/2025 và gửi bảng kê phí vận chuyển nâng hạ các tháng 10, 11, 12 năm 2025 cho bị đơn để đối chiếu và thanh toán, theo đó, tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn bao gồm: Tháng 10: 277.340.000 đồng; Tháng 11: 192.258.000 đồng; Tháng 12: 61.818.000 đồng. Tổng cộng: **531.416.000 đồng**. Nguyên đơn đã gửi các đơn đề nghị thanh toán cho bị đơn, đã nhiều lần liên hệ với bị đơn yêu cầu thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện.

Việc bị đơn chưa thanh toán khoản nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vi phạm Điều 3 của Hợp đồng vận chuyển số 202503-GH-GHK ngày 11/02/2025, vi phạm nghĩa vụ của bên thuê vận chuyển theo quy định tại Điều 536 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc **531.416.000 đồng** là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 116, 117, 118, 119, 530, 531, 536 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T đối với bị đơn Công ty TNHH T1 về việc tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T tổng số tiền: **531.416.000 đồng** (Năm trăm ba mươi một triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH T1 phải chịu số tiền 25.256.640 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.
- Trả lại cho Công ty TNHH T số tiền 12.628.320 đồng (Mười hai triệu

sáu trăm hai mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0021215 ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và thỏa thuận thi hành án hoặc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16, Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Ánh